TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 3 – 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Việt Khái.

2. Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Vũ Phong – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2026/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Xuân M, sinh năm 1982; Căn cước công dân số: 096182008045, cấp ngày 16/02/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Địa chỉ: Ấp Vàm Xáng, xã P, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Ngô Minh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp Vàm Xáng, xã P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Nguyễn Xuân M và anh Ngô Minh T tự nguyên chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Cà Mau vào năm 2007. Trong thời gian chung sống, theo chị M trình bày do giữa chị và anh T bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng chung sống không còn tình cảm với nhau nên đã sống ly thân hơn mười năm nay. Vì vậy, chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung, chị Nguyễn Xuân M và anh Ngô Minh T chung sống với nhau có 02 người con chung là Ngô Thị Ái Trâm, sinh ngày 06/3/2004 và Ngô Thông Đạt, sinh ngày 05/10/2014. Hiện cháu Trâm đã trưởng thành nên khi ly hôn, chị không đặt ra yêu cầu gì. Riêng cháu Đạt đang chung sống với chị nên khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đạt

có nguyện vọng được chung sống với mẹ, khi Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Nguyễn Xuân M khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, do đang làm công nhân ở Bình Dương, không có điều kiện tham gia phiên làm việc, hòa giải, xét xử nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị cho đến khi kết thúc vụ án. Riêng anh Ngô Minh T (bị đơn) tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Xuân M (nguyên đơn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, không có lý do. Riêng nguyên đơn đã có lời khai và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc làm thuê, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Cà Mau vào ngày 15/3/2007 theo giấy chứng nhận kết hôn số: 35/2007, nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù, trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn biết được việc nguyên đơn khởi kiện nhưng bị đơn không đến Tòa, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình đều đó cho thấy bị đơn không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với nguyên đơn nên lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung là Ngô Thị Ái Trâm, sinh ngày 06/3/2004 và Ngô Thông Đạt, sinh ngày 05/10/2014. Hiện cháu Trâm đã trưởng thành nên khi ly hôn, nguyên đơn không yêu cầu gì về con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Đạt là người chưa thành niên, hiện đang chung sống với nguyên đơn và cháu có nguyện vọng được sống với nguyên đơn khi Tòa án giải quyết ly hôn, nguyện vọng trên của cháu phù hợp với ý kiến trình bày của nguyên đơn, riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa xem xét nên chưa có cơ sở để khẳng định việc giao con cho bị đơn nuôi dạy sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con. Do đó, tiếp tục giao cháu Đạt cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp.

Riêng việc cấp dưỡng nuôi con nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái nhưng quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa, không gửi ý kiến bằng văn bản đối với việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con trong khi nguyên đơn không đặt ra yêu cầu bị đơn cấp

dưỡng nuôi con – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Xuân M về việc xin ly hôn anh Ngô Minh T.

- Về con chung là Ngô Thị Ái Trâm, sinh ngày 06/3/2004 và Ngô Thông Đạt, sinh ngày 05/10/2014. Hiện cháu Trâm đã thành niên, nên không đặt ra xem xét. Riêng cháu Đạt, tiếp tục giao cho chị Nguyễn Xuân M chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm anh Ngô Minh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Nguyễn Xuân M khai không có nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Nguyễn Xuân M phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 24/02/2026, chị M đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0001921 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã P, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân